

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HSST

Ngày: 28 - 6 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhân,

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Ninh,

2. Bà Văn Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Mỹ Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh,

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phan Bảo Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 19/2019/HSST ngày 14 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXX-ST ngày 14 tháng 6 năm 2019 đối với: Bị cáo Dương Văn T, sinh ngày 05/5/1994; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Không nghề; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Dương Văn Q và bà Phạm Thị H, chưa có vợ con; tiền án: 02 tiền án: Ngày 23/12/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xử phạt 12 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”; ngày 31/12/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình xử phạt 24 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”, ngày 25/3/2016 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm y án bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy xử phạt 24 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Chấp hành hình phạt chung 36 tháng tù của hai bản án tại Trại giam Đồng Sơn. Ngày 20/02/2018, chấp hành xong hình phạt. Tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam theo Quyết định tạm giam của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, có mặt.

Bị hại: Bà Phạm Thị T, địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

Người làm chứng: Cháu Nguyễn Văn L, sinh ngày 02/01/2003; địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của người làm chứng: Bà Phạm Thị T, địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 27/12/2018, Dương Văn T (sinh năm 1994, ở thôn T, xã T, huyện L, Quảng Bình) bắt xe buýt từ thành phố Đ về huyện T. Khi xe buýt đi qua cầu Q, T bị đau đầu nên xuống xe ở cây xăng V, rồi vào Trạm y tế xã V khám và truyền nước. Khoảng 11 giờ cùng ngày, sau khi truyền nước xong, T một mình đi bộ vào thôn H, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình và thấy tại nhà của bà Phạm Thị T, sinh năm 1979, ở thôn H, xã H có 01 chiếc xe gắn máy BKS: 73AF-005.70 đang dựng ở sân, công không khóa, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa xe. Quan sát không có ai, T đi vào dắt xe ra đường rồi nổ máy và chạy xe về thành phố Đ để hỏi bán nhưng không ai mua. Sau đó, T chạy xe gắn máy BKS: 73AF-005.70 về bỏ tại quán của chị Dương Thị L, sinh năm 1981 ở thôn T, xã N, huyện L và thực hiện một vụ trộm cắp tài sản khác.

Ngày 21/02/2019, cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Ninh tiếp nhận từ Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lệ Thủy 01 xe gắn máy BKS: 73AF-005.70, nhãn hiệu VIET THAI, loại VTSIRUS, màu sơn đen, đã qua sử dụng.

Ngày 11/3/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Quảng Ninh định giá đã kết luận xe gắn máy BKS: 73AF-005.70 giá trị còn lại 13.500.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Bản Cáo trạng số 19/CT-VKS ngày 13/5/2019, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Dương Văn T “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng, có xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Dương Văn T từ 18 đến 24 tháng tù.

Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Ninh ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản nói trên cho chủ sở hữu nên không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, nhất trí với Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, lời luận tội, hình phạt và mức án đề nghị của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Ninh, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo thống nhất, phù hợp với lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác, với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; phù hợp về thời gian, địa điểm và quá trình diễn biến của vụ án. Bị cáo Dương Văn T đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác với thủ đoạn lợi dụng sự sơ hở, thiếu quản lý tài sản của chủ sở hữu để lén lút trộm cắp tài sản lấy tiền tiêu xài cá nhân với tài sản là 01 chiếc xe gắn máy trị giá 13.500.000 đồng (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng). Như vậy, hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Bị cáo Dương Văn T thực hiện với lỗi cố ý, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây lo lắng, hoang mang cho nhân dân, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo có nhân thân xấu, năm 2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; ngày 31/12/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy xử phạt 24 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Ngày 20/02/2018, chấp hành xong hình phạt nhưng lại phạm tội mới thể hiện sự coi thường pháp luật. Do đó, cần phải xử lý nghiêm, tương ứng với tính chất vụ án, tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo về tội danh, khung hình phạt như trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích trên, xét thấy cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện cải tạo, sớm trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã thu giữ và xử lý trong giai đoạn điều tra đúng theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Dương Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 260, khoản 1 Điều 268, khoản 1 Điều 269, khoản 1 Điều 298; khoản 1, 4 Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Dương Văn T phạm “*Tội trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Văn T 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng vụ án: Không xem xét.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Dương Văn T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Công an huyện Quảng Ninh;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THA huyện Quảng Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Những người TGT khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhàn